TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HS-ST.
Ngày: 19-3-2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đoàn Văn Thậm**.

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Đăng Khoa và bà Lê Thị Út Tím**.

Thư ký phiên tòa: **Bà Lê Thị Tú** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Anh Thư** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2024/TLST-HS ngày 05/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu L, sinh ngày 05/12/1999. Nơi sinh: thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Nơi ĐKTT: Số 136/27 Đường T, khu phố 5, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979; anh ruột: 01 người, sinh năm 1997; Vợ: Lê Thị C, sinh năm 1998; con: 01 người, sinh năm 2023; tiền sự: Chưa.

Tiền án: 01 tiền án. Ngày 21/11/2018, bị Toà án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 19/02/2019, bị Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 năm 09 tháng tù giam về tội Cướp giật tài sản. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 03 năm 09 tháng tù giam. Chấp hành án tại Trại giam Kênh 7, đến ngày 16/8/2021 chấp hành xong, chưa được xoá án tích.

Ngày 24/7/2023 và ngày 12/8/2023, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 22/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R khởi tố và ra lệnh bắt tạm giam. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

** Bị hại:*

1. Trần Kim L, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 90C Đường C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Phạm Hùng M, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 41 Đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phan Thị T, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 243/9/5 Đường N, phường Rạch Sỏi, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bùi Thanh K, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 770/17 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Phan Thành Đ, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 27F8 đường V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4. Nguyễn Hữu Â, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 106/35/87 đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Để có tiền tiêu xài cá nhân nên vào các ngày 24/7/2023 và ngày 12/8/2023 Nguyễn Hữu L đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp trên địa bàn thành phố R, tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 24/7/2023, Nguyễn Hữu L nhờ Bùi Thanh K dùng xe máy nhãn hiệu WAVE, màu xanh, biển kiểm soát: 68M1-323.99 (xe của ông Nguyễn Hữu Â ba vợ Khuê) chở L đến nhà của anh Tài (bạn của L) ở gần trường Ishool, phường V, thành phố R. Khi xe chạy đến trước nhà của bà Trần Kim L ở số 90 Đường C, phường V, thành phố R, L phát hiện một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen - đỏ, biển kiểm soát: 68X1-382.66, đang đậu trước nhà, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm chiếc xe bán lấy tiền tiêu xài. L kêu K dừng xe lại để L đi vào nhà người thân, K đậu xe cách nhà số 90 Đường C, phường V, thành phố R khoảng 10m cho L đi bộ vào bên trong, tuy nhiên khi L vừa đi vào ngoảnh lại thấy K chạy xe đi nên L quay trở ra và kêu K chở L đi đến đầu ngã ba đường Đường C - Đống Đa. Sau đó, L lại tiếp tục kêu K chở đến nhà của anh Tài, khi Khuê chở L đến ngang nhà số 90 Đường C, phường V, thành phố R thì L tiếp tục kêu K dừng lại, lúc này L bước xuống xe, còn K chạy xe đi mua card điện thoại. L đi vào bên trong nhà số 90, Đường C, phường V, thành phố R thì thấy có một người phụ nữ đang nằm ngủ, quan sát thấy chìa khoá xe để trên đầu 1/3 tủ, gần vị trí đậu xe nên L tiến tới lấy chìa khoá xe cho vào ổ khoá, rồi quay đầu xe ra hướng đường Đường C nổ máy xe tẩu thoát về hướng R, rồi chạy xe đến cửa khẩu H bán chiếc xe trộm được cho một người đàn ông (không rõ tên thật, địa chỉ) với giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng), số tiền có được L sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Vào khoảng 16 giờ ngày 12/8/2023, L đi xe ôm đến đường Đường T để tìm người bạn tên Bò (không rõ tên thật, địa chỉ nhờ chở L đi đến nhà chủ ghe biển để cho L xin đi ghe biển. Khi chạy ngang nhà của anh Phạm Hùng M ở số 41 Đường

T, phường A, thành phố R thì L phát hiện có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Fi, màu vàng – nâu, biển kiểm soát: 68X1-121.91 có cắm sẵn chìa khóa trên xe nên nảy sinh ý định trộm xe bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi xe ôm chở L vào phía trong đường Đường T khoảng 01km thì gặp Bò đang đậu xe đợi, L lên xe Bò chở đi ra về hướng đường N. Khi đi đến nhà số 41 Đường T, phường A, thành phố R, L kêu Bò dừng xe lại cho L xuống xe và kêu Bò chạy xe đi trước, để L đi làm công chuyện. L đi đến chỗ đậu chiếc xe nói trên, trèo lên xe, mở chìa khóa, đề nổ máy và nhanh chóng tẩu thoát về hướng đường N. Sau đó, L điều khiển chiếc xe vừa trộm được đến phòng trọ của Phan Thành Đ tại ấp Tân Đ, xã Giục T, huyện C, tỉnh Kiên Giang và nói dối là xe của người thân L đang kẹt tiền nên nhờ Đ đi cầm dùm, thì Đ đồng ý. Đ mang xe đi nhờ người phụ nữ tên Diễm (không rõ tên thật, địa chỉ) ở đường Kênh 6, phường R, thành phố R để nhờ Diễm đem xe đi cầm. Diễm đồng ý và đem xe đến gặp Phan Thị T (tên thường gọi Bông) ở hẻm 243 Đường N, phường R, thành phố R để cầm xe được 6.000.000đ (sáu triệu đồng) mang về đưa hết cho L, số tiền có được L đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, Số loại Future Fi, màu vàng - nâu, biển kiểm soát: 68X1-121.91, đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh – đen – bạc, biển kiểm soát: 68M1-323.99 đã qua sử dụng.

* Theo Bản kết luận định giá tài sản số 155/KL-HĐĐGTS ngày 26/08/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R, kết luận:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại JF63 AIR BLADE, dung tích xi lanh: 124,9 cm3, màu đen-đỏ, biển kiểm soát: 68X1-382.66, số máy: JF63E-1214873, số khung: RLHJF6302FZ671210 đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 24/7/2023 có giá trị là: 18.333.000đ (Mười tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

* Theo Bản kết luận định giá tài sản số 212/KL-HĐGĐTS ngày 19/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R kết luận:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE FI, dung tích xi lanh: 124 cm3, màu vàng-nâu, biển kiểm soát: 68X1-121.91, số máy: JC54E2040794, số khung: RLHJC5374EY013456 đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 12/8/2023 có giá trị là 7.667.000đ (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng. Tổng cộng: 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng).

** Bản cáo trạng số 48/CT-VKSRG ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Hữu L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.*

** Tại phiên tòa*:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu L mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R đã trao trả lại tài sản cho chủ sở hữu:

+ Ông Phạm Hùng M 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Future Fi, dung tích xi lanh: 124 cm3, màu vàng - nâu, biển kiểm soát: 68X1-121.91, số máy: JC54E2040794, số khung: RLHJC5374EY013456 đã qua sử dụng;

+ Nguyễn Hữu Â 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh, biển kiểm soát: 68M1-323.99 đã qua sử dụng;

Theo Quyết định xử lý vật chứng số 217 và 220 ngày 07/01/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại Phạm Hùng M đã nhận lại tài sản xe mô tô, nhãn hiệu Honda, Số loại Future Fi, màu vàng - nâu, biển kiểm soát: 68X1-121.91 nên không yêu cầu Nguyễn Hữu L bồi thường thiệt hại.

+ Bị hại Trần Kim L đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, màu đen - đỏ, biển kiểm soát: 68X1-382.66 từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Tiên nên không yêu cầu Nguyễn Hữu L bồi thường thiệt hại.

+ Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Phan Thị T không yêu cầu L bồi thường thiệt hại.

+ Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu L bất chính 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vào ngân sách nhà nước.

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu trên. Sau khi nghe Kiểm sát viên luận tội, bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo. Bị cáo thống nhất với nội dung Bản kết luận định giá tài sản số 155/KL-HĐĐGTS ngày 26/08/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R và nội dung Bản kết luận định giá tài sản số 212/KL-HĐGĐTS ngày 19/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R. Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố R, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài nên vào các ngày 24/7/2023 và ngày 12/8/2023 Nguyễn Hữu L đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn phường V và phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Lấy trộm của bà Trần Kim L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen - đỏ, biển kiểm soát: 68X1-382.66, qua định giá có giá trị là 18.333.000 đồng và của ông Phạm Hùng M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Số loại Future Fi, màu vàng - nâu, biển kiểm soát: 68X1-121.9, qua định giá có giá trị là 7.667.000 đồng, tổng giá trị tài sản L trộm cắp được là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng).

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ L muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra công sức lao động chân chính, bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của người bị hại nói riêng và gây mất an ninh trật tự xã hội, gây hoang mang tâm lý trong quần chúng nhân dân nói chung. Ngoài ra, bị cáo còn là đối tượng đã có tiền án về tội Trộm cắp tài sản, mặc dù đã chấp hành xong hình phạt nhưng không lấy đó làm bài học sửa đổi bản thân hướng thiện mà còn tiếp tục trượt dài vào con đường phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời phải cách ly bị cáo một thời gian nhất định nhằm phòng ngừa chung tội phạm cho xã hội và răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hữu L đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản, chưa được xóa án tích, lại tiếp tục tái phạm, ngoài ra còn thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, do đó HĐXX quyết định miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Về phần dân sự và biện pháp tư pháp: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Phan Thị T cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên HĐXX miễn xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xét thấy việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R trả lại tài sản bị lấy trộm là đúng theo quy định pháp luật nên HĐXX miễn xét.

Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu L bất chính 10.000.000đ (mười triệu đồng) vào ngân sách nhà nước.

[8] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án:

- Đối với Bùi Thanh K do không biết L nhờ mình chở đi để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không xử lý hình sự.

- Đối với Phan Thị T không biết tài sản mình mua là tài sản do trộm cắp mà có, nên không xử lý hình sự.

- Đối với người đàn ông tên Bò và người phụ nữ tên Diễm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố R tiếp tục điều tra, làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L mức án mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/9/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo nộp lại số tiền thu L bất chính 10.000.000đ (mười triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Hữu L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/3/2024). Bị hại và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố R;
- Cơ quan THA Dân sự TP.R;
- Công an thành phố R;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Thậm